

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định một số nội dung về công tác lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành thông tư quy định một số nội dung về công tác lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định một số nội dung về công tác lựa chọn nhà thầu; trách nhiệm của các bên có liên quan trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (không bao gồm các dự án lâm sinh).

2. Đối với dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (gọi chung là vốn ODA), nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định về thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu khác với quy định của Thông tư này thì thực hiện theo các quy định tại điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT), Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là UBND các tỉnh) và các tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ) quản lý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc đầu mối quản lý dự án* thuộc Bộ là các Tổng cục, Cục, Vụ được Bộ trưởng giao trong văn bản cho phép lập dự án đầu tư (gọi tắt là cơ quan thẩm định thuộc Bộ).

2. *Cơ quan đầu mối thẩm định dự án thuộc địa phương* do UBND các tỉnh giao nhiệm vụ đối với các dự án được Bộ giao UBND các tỉnh quyết định đầu tư (gọi tắt là cơ quan thẩm định thuộc địa phương).

3. *Chủ dự án* là Ban quản lý các dự án Nông nghiệp, Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp, Ban quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi (gọi tắt là các Ban CPO) hoặc các đơn vị được Bộ trưởng giao.

Chương II

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 4. Lập và trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Chủ đầu tư, chủ dự án có trách nhiệm tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (gọi tắt là KHLCNT) theo quy định tại các Điều 33, 34, 35, 36 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và các quy định sau:

1. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiến độ thực hiện dự án được phê duyệt hoặc Hiệp định đã ký kết (đối với dự án ODA), bảo đảm tính đồng bộ của dự án; các gói thầu có quy mô hợp lý, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, đặc thù công trình, quy định trong nước và quy định của Nhà tài trợ.

2. Giá gói thầu được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư hoặc dự toán được phê duyệt (nếu có). Giá gói thầu được tính đúng, tính đủ toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (gồm cả chi phí dự phòng, thuế, phí và lệ phí). Trong đó, chi phí dự

phòng bao gồm dự phòng cho phát sinh khối lượng (tính theo tỷ lệ phần trăm (%) và phù hợp với bước thiết kế khi lập KHLCNT), dự phòng cho yếu tố trượt giá (được tính theo thời gian, tiến độ thực hiện gói thầu) và phù hợp với loại hợp đồng theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Trường hợp giá gói thầu xác định cao hơn so với giá trị hạng mục được duyệt trong tổng mức đầu tư (bao gồm cả dự phòng cho hạng mục), trước khi phê duyệt giá gói thầu làm căn cứ trình người quyết định đầu tư phê duyệt KHLCNT, chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư và giải trình rõ nguyên nhân, đề xuất nguồn kinh phí sử dụng cho phần tăng đó của gói thầu đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Trường hợp gói thầu được ghép từ nhiều hạng mục hoặc một hạng mục trong tổng mức đầu tư được chia thành nhiều gói thầu hoặc trường hợp gói thầu có thể phân chia thành các phần việc (đối với dự án trong nước) hoặc lô (đối với dự án ODA) riêng biệt theo tính chất công việc thì chủ đầu tư phải nêu rõ lý do, nội dung công việc và giá trị từng hạng mục, phần việc hoặc lô đó trong KHLCNT.

3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 và 27 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13. Tùy theo tính chất, đặc điểm, giá gói thầu, chủ đầu tư, chủ dự án lựa chọn hình thức lựa chọn nhà thầu cho phù hợp, trong đó phải giải trình rõ lý do và điều kiện áp dụng để người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện theo quy định tại các Điều 28, 29, 30 và 31 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, việc đề xuất phương thức lựa chọn nhà thầu phải đảm bảo phù hợp với quy mô, tính chất và yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

5. Loại hợp đồng: Chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và nêu rõ cơ sở, điều kiện lựa chọn loại hợp đồng phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm gói thầu. Hợp đồng trọn gói được áp dụng trong các trường hợp:

a) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn đơn giản (gồm tư vấn lập HSMT đánh giá HSDT, quy đổi vốn đầu tư...) và dịch vụ phi tư vấn đơn giản;

b) Gói thầu mua sắm hàng hóa có giá trị gói thầu không quá 10 tỷ đồng;

c) Gói thầu xây lắp, gói thầu hỗn hợp có giá trị gói thầu không quá 20 tỷ đồng;

6. Trường hợp cần thiết phải bổ sung gói thầu để thực hiện một hay nhiều hạng mục bổ sung trong quá trình triển khai dự án, công trình nhưng các hạng mục này chưa được duyệt trong dự án đầu tư hoặc kinh phí chưa được xác định trong tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình thì chủ đầu tư tạm tính giá gói thầu, đề xuất nguồn vốn để thực hiện gói thầu và trình người có thẩm quyền xem xét quyết định phê duyệt KHLCNT làm căn cứ tổ chức thực hiện. Việc thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu thực hiện theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

7. Đối với các dự án ODA: Chủ đầu tư, chủ dự án căn cứ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này để lập KHLCNT làm căn cứ đàm phán với Nhà tài trợ khi ký kết Hiệp định.

Điều 5. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Các cơ quan, đơn vị thẩm định KHLCNT thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và các quy định sau:

1. Đối với các gói thầu thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, chủ dự án, chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án giao một đơn vị chuyên môn trực thuộc để thẩm định KHLCNT trước khi phê duyệt. Giá gói thầu do chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án phê duyệt phải căn cứ vào quyết định phê duyệt nhiệm vụ (đề cương) và dự toán của gói thầu sau khi được cơ quan thẩm định thuộc Bộ có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản.

2. Đối với các dự án Bộ phê duyệt dự án đầu tư, cơ quan tổ chức thẩm định KHLCNT là cơ quan thẩm định thuộc Bộ có trách nhiệm thẩm định, lập báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định trình Bộ phê duyệt. Đối với dự án ODA, chủ dự án phải có tờ trình đồng trình với chủ đầu tư khi trình Bộ xem xét, phê duyệt KHLCNT và phải chịu trách nhiệm về nội dung KHLCNT.

3. Đối với các dự án ODA Bộ giao cho UBND các tỉnh phê duyệt dự án đầu tư, cơ quan đầu mối thẩm định KHLCNT là cơ quan thẩm định thuộc địa phương có trách nhiệm thẩm định, lập báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định trình UBND tỉnh phê duyệt. Chủ dự án phải có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản về KHLCNT của chủ đầu tư trình trước khi UBND tỉnh phê duyệt và phải chịu trách nhiệm về nội dung KHLCNT.

4. Trình tự thẩm định, phê duyệt

Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ trình duyệt trực tiếp tại văn thư hoặc bộ phận một cửa hoặc gửi theo đường bưu điện đến cơ quan thẩm định thuộc Bộ (đối với dự án do Bộ là cấp quyết định đầu tư), cơ quan thẩm định thuộc địa phương (đối với dự án ODA Bộ giao địa phương phê duyệt) để các cơ quan này tổ chức thẩm định, lập báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định phê duyệt KHLCNT trình Bộ hoặc UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại các Điều 33, 34, 35, 36 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13. Thời hạn giải quyết theo quy định tại điểm a, h Khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13. Quyết định phê duyệt KHLCNT trả trực tiếp hoặc gửi đường bưu điện cho chủ đầu tư và các cơ quan liên quan.

Hồ sơ trình duyệt bao gồm: Tờ trình thẩm định phê duyệt KHLCNT theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành (bản chính), bản chụp quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt (trường hợp điều chỉnh, bổ sung), quyết định phê duyệt kèm hồ sơ thiết kế, dự toán (bản chính), các văn bản pháp lý có liên quan khác (nếu có).

Đối với dự án ODA đồng thời với hồ sơ trình duyệt của chủ đầu tư, chủ dự án phải gửi văn bản thỏa thuận về KHLCNT (đối với dự án Bộ giao UBND các tỉnh phê duyệt) hoặc tờ trình xin phê duyệt KHLCNT (đối với dự án do Bộ quyết định đầu tư) quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Chương III

TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 6. Lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu

Chủ dự án, chủ đầu tư lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu (HSYC), hồ sơ mời quan tâm (HSMQT), hồ sơ mời sơ tuyển (HSMST), hồ sơ mời thầu (HSMT) thực hiện theo quy định tại các Điều 12, 13, 23, 25, 34, 35, 42, 44, 46, 49, 51, 55, 56, 58, 59, 60, 62 và 105 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 63/2014/NĐ-CP) và tuân thủ theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, HSMT mẫu của Nhà tài trợ đã thông qua và thực hiện theo các quy định sau:

1. Các quy định về chỉ dẫn nhà thầu và điều kiện chung của hợp đồng phải tuân thủ theo mẫu HSMT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành, không được phép chỉnh sửa. Đối với các nội dung khác, chủ dự án, chủ đầu tư lập cho phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu nhưng phải bảo đảm không trái với quy định của pháp luật về lựa chọn nhà thầu.

2. HSMT phải quy định rõ tiêu chí chi tiết để xác định tính tương tự về quy mô, bản chất và độ phức tạp cho từng hạng mục, gói thầu. Quyết định phê duyệt HSYC, HSMQT, HSMST, HSMT phải bao gồm chi tiết các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ quan tâm (HSQT), hồ sơ dự sơ tuyển (HSDST), hồ sơ dự thầu (HSDT), hồ sơ đề xuất (HSDX). Hồ sơ phát hành cho nhà thầu phải được đóng dấu của chủ đầu tư (gồm cả dấu giáp lai).

3. Bảng tiên lượng trong HSMT, HSYC phải mô tả chi tiết tên công việc mời thầu, khối lượng, đơn vị tính (tương ứng với từng mã hiệu công việc cụ thể).

4. Trong HSMT của gói thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ các chi phí được áp dụng theo loại hợp đồng tương ứng áp dụng cho gói thầu đó. Đối với hợp đồng trọn gói, chủ đầu tư phải yêu cầu nhà thầu lập giá dự thầu bao gồm tất cả chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.

5. Trình tự thẩm định, phê duyệt

Bên mời thầu (Ban quản lý dự án của chủ đầu tư hoặc tổ chức tư vấn do chủ đầu tư thuê) nộp 02 bộ hồ sơ trình duyệt trực tiếp tại văn thư hoặc bộ phận một cửa hoặc gửi theo đường bưu điện đến chủ đầu tư; thành phần hồ sơ trình duyệt quy